

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các âm *t, tr*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có (các) âm *t, tr*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các chữ *t, tr*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các chữ *t, tr*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm *t, tr* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Bảo vệ môi trường* được gợi ý trong tranh.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (*tranh Nam tô bức tranh cây tre; tranh hồ cá; tranh cá heo*).
- Cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước (thông qua cảnh vật, cây cối).

II CHUẨN BỊ

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm *t, tr*, cấu tạo và cách viết các chữ *t, tr*; nắm vững nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này (*tre ngà*: loại tre có thân cành màu vàng óng).
- GV cần biết những lỗi chính tả liên quan đến chữ ghi âm *ch/ tr* mà HS dễ mắc do đặc điểm ngữ âm phương ngữ.
- Hiểu biết sơ giản về tập tính, môi trường sống của một số loài vật có tên gọi bắt đầu bằng *t, tr* xuất hiện trong bài như: sư tử, cá trê,...
 - + *Sư tử*: là loài thú họ mèo duy nhất có lông đuôi, có bờm; thường sống ở khu vực savan (đồng cỏ) và thảo nguyên.
 - + *Cá trê*: là loài cá nước ngọt, da trơn, sống dưới tầng đáy, có râu ở đầu.

1. Ôn và khởi động

GV cho HS ôn lại chữ *t, s* vừa học và chơi trò chơi để tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Nam/ tô/ bức tranh cây tre.*
- GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm: *t, tr*; giới thiệu chữ *t, tr*.

3. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**a. Đọc âm**

- Đọc âm *t*
 - + GV viết chữ *t* lên bảng để giúp HS nhận diện chữ mới trong bài học này.
 - + GV đọc mẫu âm *t*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc âm *t*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- Đọc âm *tr*
 - + GV viết chữ ghi âm *tr* lên bảng để giúp HS nhận diện chữ mới trong bài học này.
 - + GV đọc mẫu âm *tr*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc âm *tr*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *tô, tre* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *tô, tre*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu *tô, tre* (*tờ - ô - tô; trờ - e - tre*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa âm *t*
 - GV đưa các tiếng chứa âm *t*, yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm *t*).
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm *t* đang học.
 - Đọc trơn các tiếng có cùng âm *t* đang học.

+ Đọc tiếng chứa âm *tr*

Quy trình tương tự với quy trình luyện đọc tiếng chứa âm *t*.

+ Đọc trơn các tiếng chứa những âm đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai âm.

+ Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.

- Ghép chữ cái tạo tiếng

+ HS tự tạo các tiếng có chứa *t*, *tr*.

+ GV yêu cầu 3 – 4 HS phân tích tiếng, 2 – 3 HS nêu lại cách ghép.

+ Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *ô tô*, *sư tử*, *cá trê*, *tre ngà*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *ô tô*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *ô tô* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa âm *t* trong *ô tô*, phân tích và đánh vần tiếng *tô*, đọc trơn từ ngữ *ô tô*, GV thực hiện các bước tương tự đối với *sư tử*, *cá trê*, *tre ngà*.

- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV giới thiệu chữ viết thường ghi các âm *t*, *tr* và hướng dẫn HS quan sát.

- GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *t*, *tr*.

- HS viết vào bảng con chữ, từ ngữ *t*, *tr*, *tô*, *trê*.

- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.

- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.

- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS tô và viết vào vở *Tập viết 1*, tập một chữ *t*, *tr*; từ *ô tô*, *cá trê*.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.

- GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS.

6. Đọc câu

- HS đọc thầm cả câu; tìm tiếng có chữ *t*, *tr*.

- GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần thiết).

- GV đọc mẫu câu.
- HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: *Hà làm gì? Hồ thế nào? Hồ có những cá gì? Có cần phải bảo vệ môi trường của hồ không?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nhận xét về hành động của bạn nhỏ trong tranh (nhấn mạnh hậu quả của hành động đó)?
- GV đặt câu hỏi gợi ý:
 - + *Vì sao cá heo bị chết?*
 - + *Chúng ta phải làm gì để bảo vệ cá heo?*
- HS chia nhóm thảo luận trả lời từng câu hỏi theo gợi ý của GV.
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả trước cả lớp, GV và HS nhận xét.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa âm *t*, *tr* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các chữ ghi âm *t*, *tr* và thực hành phát triển vốn từ ở nhà.